TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐ-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1974

Địa chỉ: hẻm nhà nghỉ H1, ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Văn T1 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008. Đến năm 2009 thì vợ chồng chuyển về xã P, huyện N để sinh sống và làm

việc. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh T1 thường hay ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt rồi về chửi bới, có lần còn đánh đập chị. Ngoài ra, anh T1 không chuyên tâm làm ăn dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị phải trả nợ thay. Vợ chồng đã tự sống ly thân được khoảng gần 08 tháng nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với anh T1 được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: chị và anh T1 chung sống có 2 con chung là cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phạm Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/3/2016. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Anh T1 cấp dưỡng. Kể từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T1 chỉ đến thăm con chứ không có lần nào cấp dưỡng hay phụ chị nuôi con. Hiện nay chị và hai con đang sống tại nhà cha mẹ ruột, còn anh T1 thì ở phòng trọ. Chị H hiện đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng hơn 8.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng nuôi dưỡng hai con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên Chị H xin được vắng mặt trong các phiên tòa Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phạm Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Văn T1; hiện Chị H và Anh T1 có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã P, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị H và Anh T1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 thường hay ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt, chửi bới, có lần còn đánh đập vợ, không chuyên tâm làm ăn dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị H phải trả nợ thay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị H nộp đơn xin ly hôn anh T1. Tòa án đã mời anh T1 tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến Tòa cũng không có ý kiến nộp cho Tòa án, từ đó cho thấy anh T1 không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, theo lời khai của chị H thì vợ chồng đã tự sống ly thân khoảng 08 tháng nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm lẫn nhau nên việc Chị H xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

[2] *Về con chung*: Chị H và anh T1 chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phạm Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/3/2016. Sau ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc giao con cho chị H hay anh T1 nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Chị H và anh T1 đều có đủ điều kiện nuôi dạy con tốt nhưng hiện cháu C đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Còn cháu T2 chưa đủ 07 tuổi nhưng kể từ lúc vợ chồng sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của trẻ và nguyện vọng của cháu C cần xem xét giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Xử cho Chị H được ly hôn anh Phạm Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2009 và cháu Phạm Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 25/3/2016 cho Chị H nuôi dưỡng. Tạm thời Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008364 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.